CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Ngày 31/12/2025	7,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-

DT thuần *Q4/25*
227 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼8.00| -3.5%
YoY: ▲ 49.0| 27.4%

LN thuần *Q4/25*
8.48 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 2.69| 46.4%
YoY: ▲ 30.7| 138%

LN sau thuế *Q4/25*
9.03 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 3.78| 72.0%
YoY: ▲ 31.1| 141%

Tỷ suất lãi EBIT *2025*
3.4%
YoY: +/-▲ 7.7%

ROE *2025*
16.0%
YoY: +/-▲ 49.0%

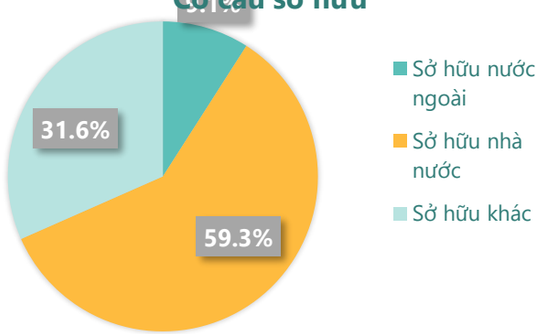
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,800 - 11,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	82
Số lượng CPLH (CP)	10,530,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	655
Sở hữu nước ngoài	9.1%
Beta	0.09
EPS	2,064
P/E	3.8

DT thuần *2025*
941 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 77.0| 9.0%

LN thuần *2025*
23.8 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 73.4| 148%

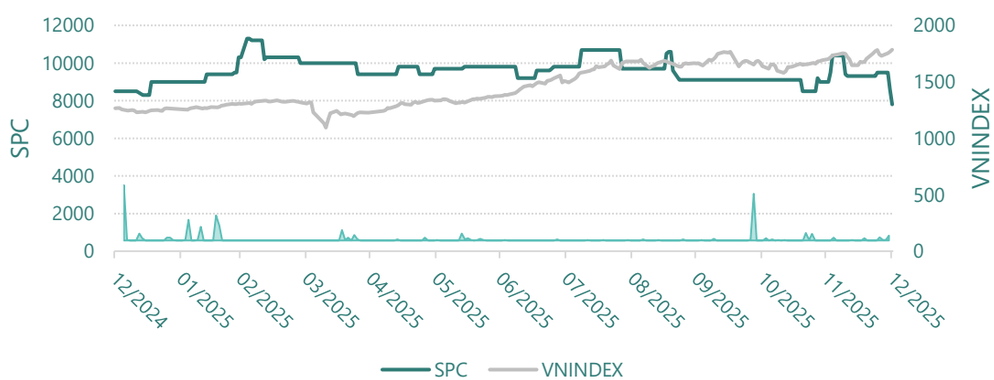
LN sau thuế *2025*
21.4 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 69.6| 144%

Cơ cấu sở hữu

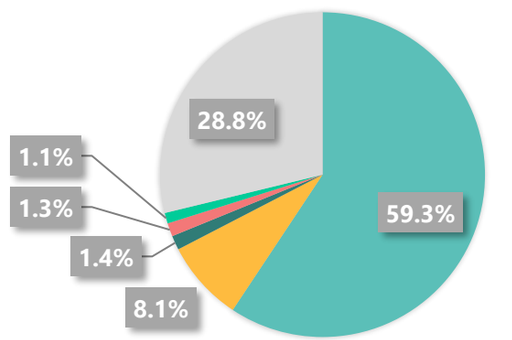


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

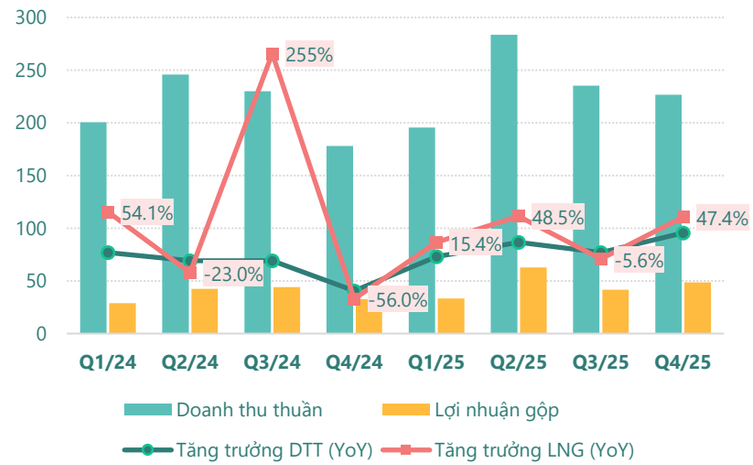


- Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn
- Jia Hui
- Huỳnh Đức
- Huỳnh Chí Toàn
- Châu Ngọc Minh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

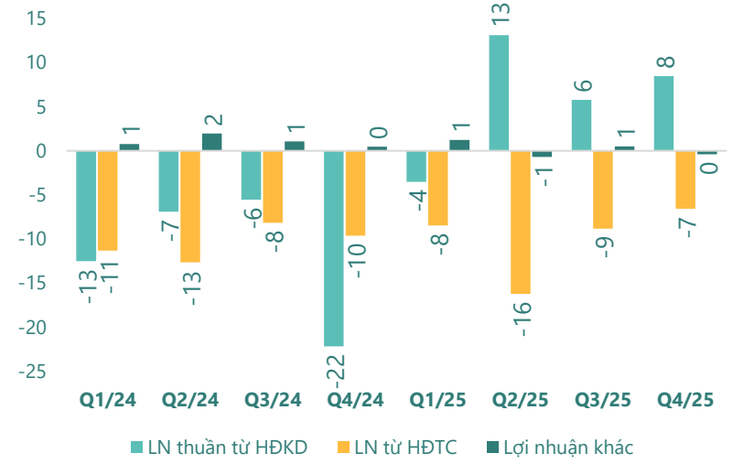
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



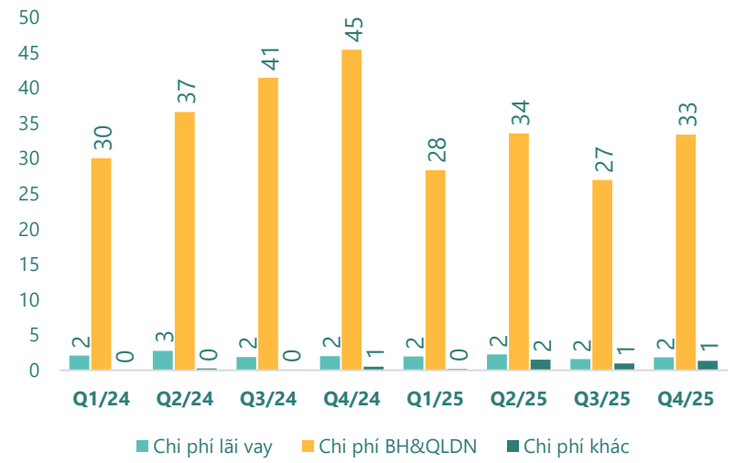
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



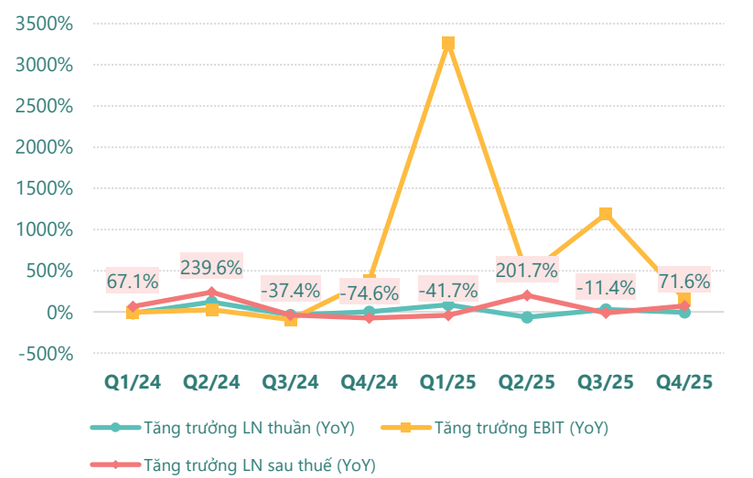
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



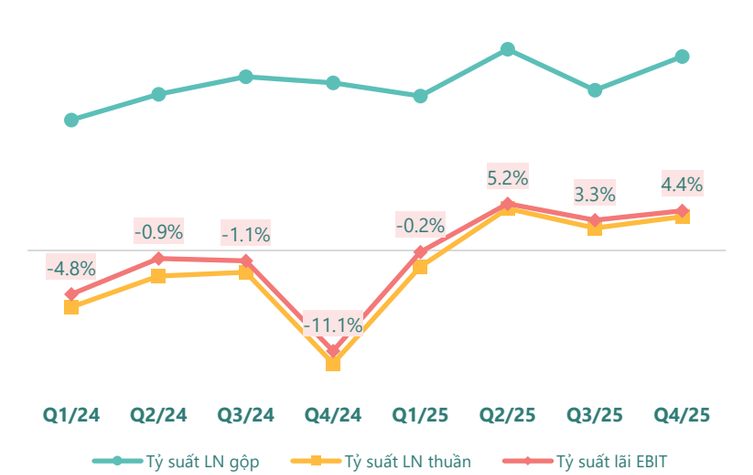
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



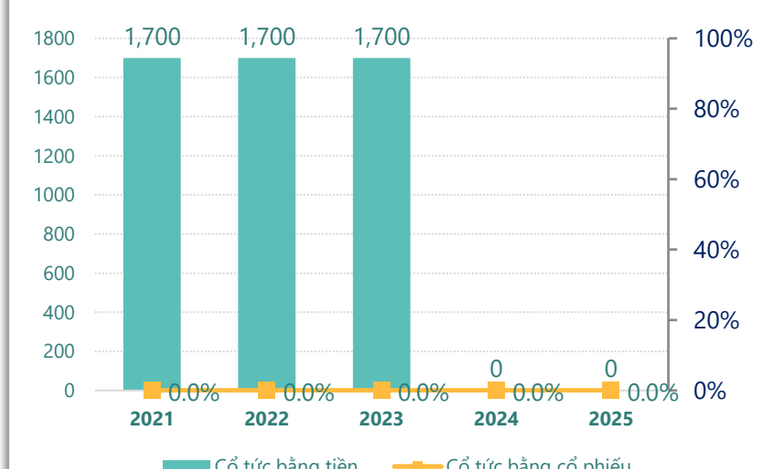
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

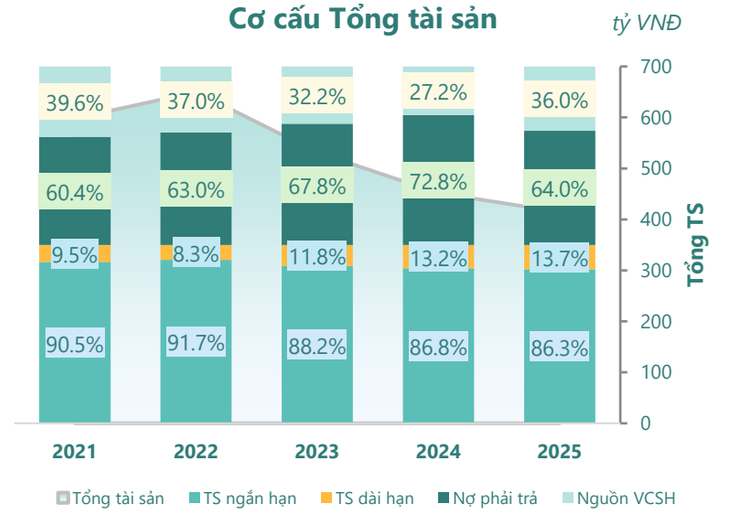
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

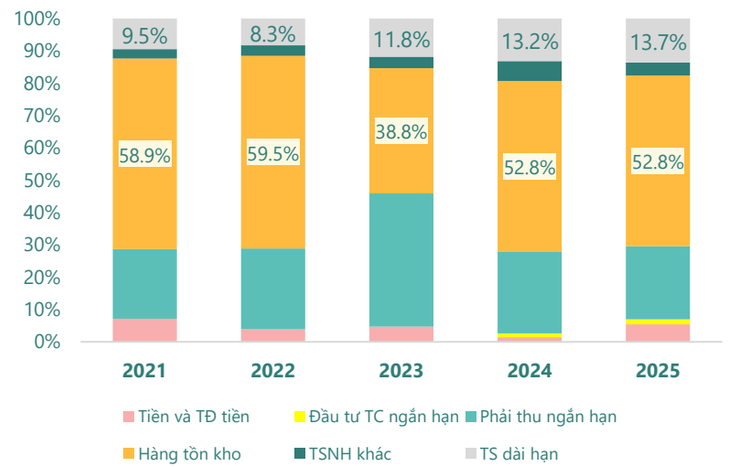
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



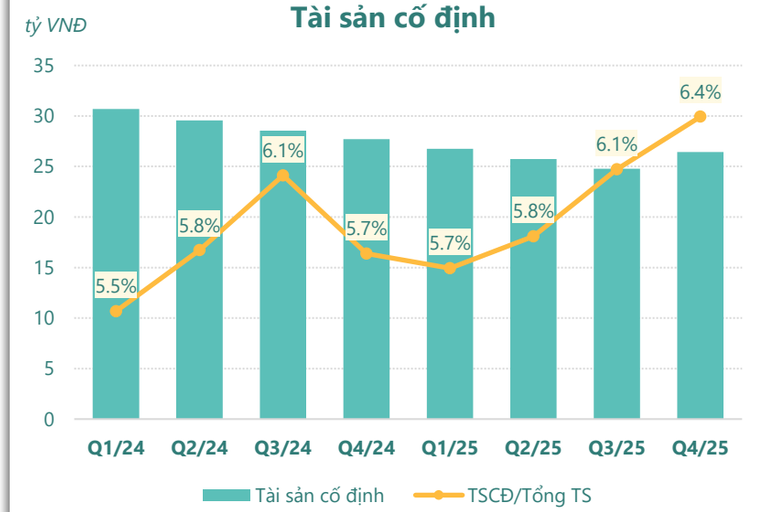
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



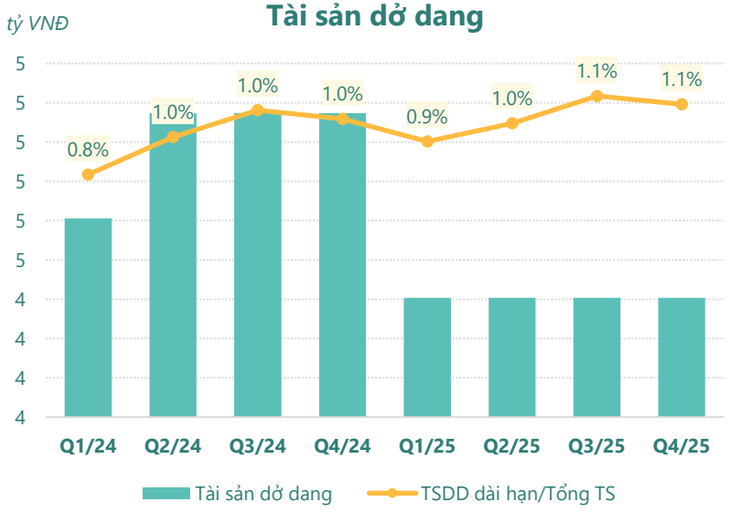
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



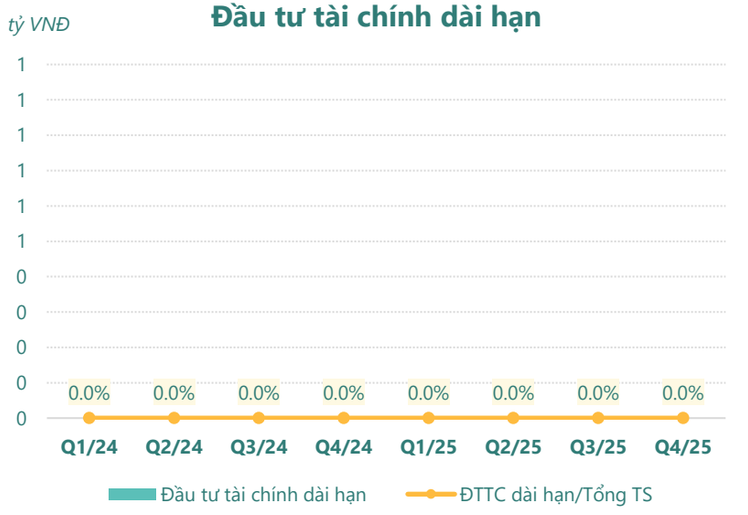
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



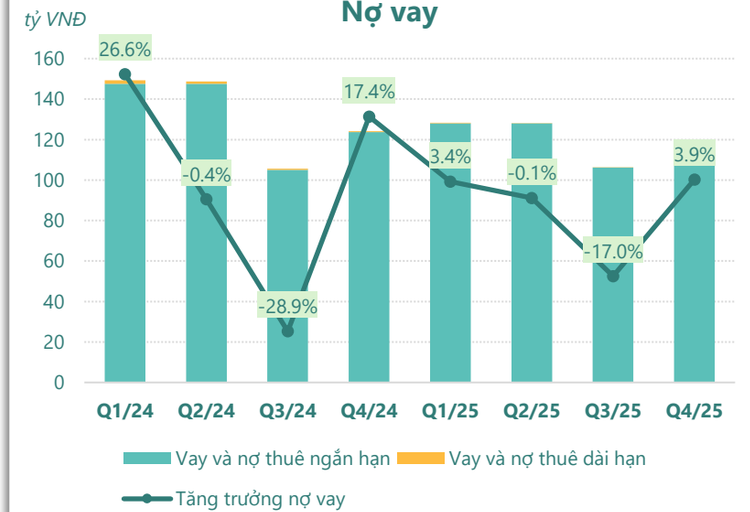
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

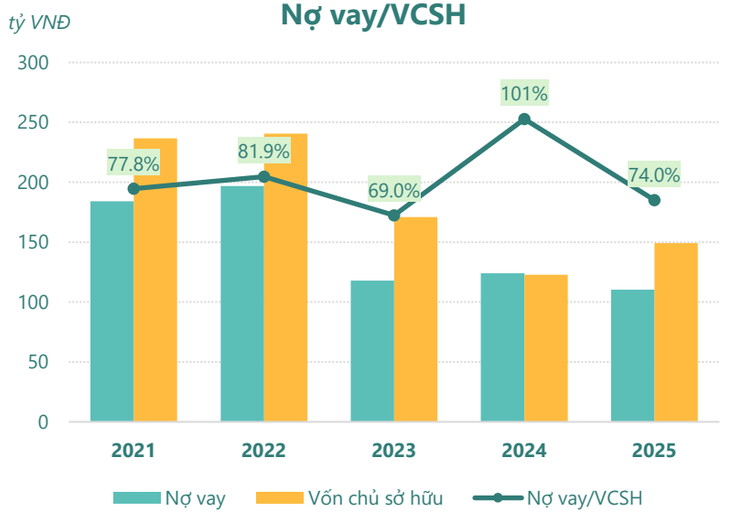
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



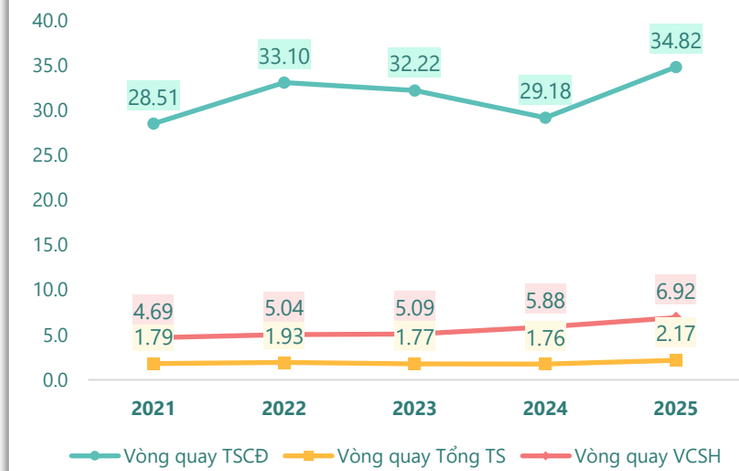
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



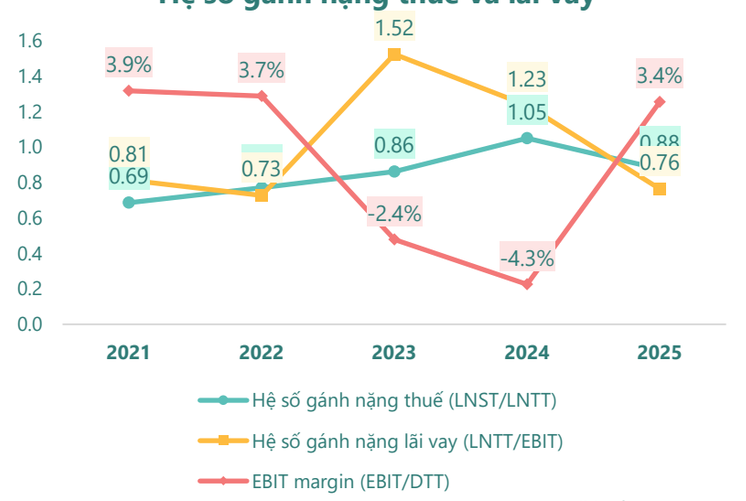
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



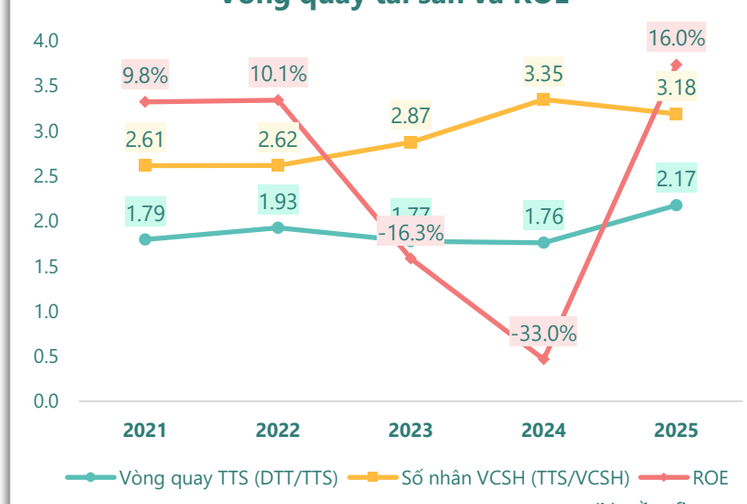
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



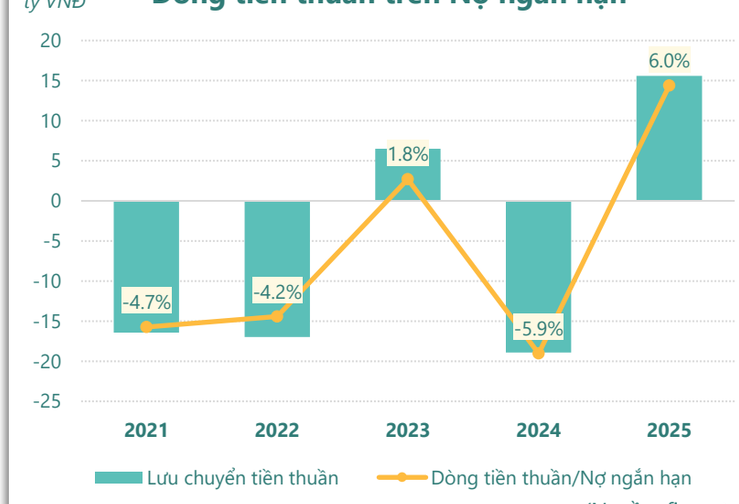
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**227**	**178**	**27.4%**	**941**	**864**	**9.0%**
Giá vốn hàng bán	178	145	23.0%	755	718	5.1%
Lợi nhuận gộp	48.5	32.9	47.3%	186	145	28.0%
Doanh thu HĐTC	1.41	1.26	11.8%	10.5	11.4	-7.4%
Chi phí TC	7.98	10.9	-26.8%	50.6	52.7	-4.0%
Chi phí lãi vay	1.81	1.99	-8.8%	7.59	8.70	-12.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	25.4	40.4	-37.2%	87.6	127	-31.3%
Chi phí QLDN	**8.02**	**5.09**	**57.6%**	**34.7**	**26.2**	**32.4%**
LN thuần từ HĐKD	8.48	-22.2	138%	23.8	-49.6	148%
Lợi nhuận khác	**-0.39**	**0.47**	**-183%**	**0.64**	**3.67**	**-82.5%**
LN trước thuế	8.09	-21.7	137%	24.5	-45.9	153%
Lợi nhuận sau thuế	**9.03**	**-22.1**	**141%**	**21.4**	**-48.2**	**144%**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.07**	**-23.4**	**139%**	**21.7**	**-48.5**	**145%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.5	7.64	5.17	9.43	15.5	0.11
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.40	0.02	0.72	0.80	-0.38	-1.90
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-40.4	-18.4	4.22	-0.41	-22.2	4.50
Tiền đầu kỳ	29.1	19.6	6.67	16.9	27.2	19.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-9.25**	**-10.7**	**10.1**	**9.83**	**-7.07**	**2.71**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.30	3.12	0.13	0.41	-0.21	-0.13
Tiền cuối kỳ	19.6	12.0	16.9	27.2	19.9	22.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**415**	**451**	**-8.1%**
Tài sản ngắn hạn	358	392	-8.5%
Tiền và tương đương tiền	22.4	6.67	237%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.50	5.25	23.8%
Phải thu ngắn hạn	94.0	114	-17.3%
Hàng tồn kho	219	239	-8.2%
Tài sản ngắn hạn khác	16.4	27.6	-40.4%
Tài sản dài hạn	**56.6**	**59.7**	**-5.2%**
Phải thu dài hạn	0.50	0.62	-19.4%
Tài sản cố định	26.4	27.7	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0.05	0.17	-72.2%
Tài sản dở dang	4.40	4.87	-9.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**25.3**	**26.4**	**-4.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	266	329	-19.2%
Nợ ngắn hạn	**260**	**322**	**-19.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	110	124	-10.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	107	165	-35.1%
Nợ dài hạn	6.11	6.68	-8.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.35	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**149**	**123**	**21.5%**
Vốn chủ sở hữu	**149**	**123**	**21.5%**
Vốn điều lệ	105	105	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)